

Bản án số: 234/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/04/2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Rành;

2. Ông Huỳnh Công Nhân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Chính Việt Phương
- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 04 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 696/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐHPT ngày 28/03/2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1989 (Có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số F Đường số A, Khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Năm 2017, bà Nguyễn Thị P kết hôn với ông Phạm Ngọc Đ, có đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 22/2/2017.

Thời gian đầu kết hôn bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Ngọc Đ sống hạnh phúc. Những năm gần đây, vợ chồng bà thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, bà và ông Phạm Ngọc Đ luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xung đột với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Phạm Bảo N (N), sinh ngày 09/8/2010 và trẻ Phạm Tường V (N1), sinh ngày 28/01/2016.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là: trẻ Phạm Bảo N, sinh ngày 09/8/2010 và trẻ Phạm Tường V, sinh ngày 28/01/2016. Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu ông Phạm Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Việc ly hôn của bà Nguyễn Thị P không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến trình bày tại tòa án, bà Nguyễn Thị P kính mong Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Phạm Ngọc Đ vắng mặt không lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn bà P đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Đ không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt không lý do trong buổi hòa giải, tại phiên tòa ngày 28/03/2024 và tại phiên tòa hôm nay.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc Đ, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn ông Phạm Ngọc Đ hiện đang cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Phạm Ngọc Đ mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng ông Phạm Ngọc Đ vẫn vắng mặt không có lý do và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Ngọc Đ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Xét về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P: Bà và ông Phạm Ngọc Đ có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân phường L, quận T (Thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/02/2017) nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 và được Công an phường T trả lời: “Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1978 có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại địa chỉ số F, đường số A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Phạm Ngọc Đ đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Phạm Ngọc Đ vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Phạm Ngọc Đ đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử lấy

lời khai của bà Nguyễn Thị P về mâu thuẫn vợ chồng làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị P: bà và ông Phạm Ngọc Đ chung sống, có 2 con chung là trẻ Phạm Bảo N, sinh ngày 09/8/2010 và trẻ Phạm Tường V, sinh năm 28/01/2016, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng sống hạnh phúc, mấy năm gần đây mới xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên thường xuyên xung đột với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được.

Theo quy định khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Trong cuộc sống hôn nhân của bà Nguyễn Thị P tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc Đ. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P.

[2.2] Xét về con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh số 375/TLKS –BS ngày 8/7/2020 của Ủy ban nhân dân Thị Trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An, và giấy khai sinh số 394/GKS –BS cấp ngày 8/3/2016 của Ủy ban nhân dân Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Ngọc Đ1 có 02 (hai) con chung là trẻ Phạm Bảo N, sinh ngày 09/8/2010 và trẻ Phạm Tường V, sinh ngày 28/01/2016.

Theo bà Nguyễn Thị P trình bày: Hiện 2 trẻ đang ở cùng bà và ông Phạm Ngọc Đ. Bà làm công việc kinh doanh tại nhà, nên bà có thời gian người chăm sóc, giáo dục 2 con chung từ mọi việc ăn, học, sinh hoạt của 2 trẻ, bà có nguồn thu nhập đủ để nuôi dưỡng 2 con chung. Để tránh làm sáo trộn việc sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ: Phạm Bảo N, sinh ngày 09/8/2010 và trẻ Phạm Tường V, sinh ngày 28/01/2016 của bà Nguyễn Thị P là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp yêu cầu của bà Nguyễn Thị P. Do đó, hội đồng xét xử giao 02 (hai) con chung là trẻ Phạm Bảo N, sinh ngày 09/8/2010 và trẻ Phạm Tường V, sinh ngày 28/01/2016 cho bà Nguyễn Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị P tự nguyện không yêu cầu ông Phạm Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Phạm Ngọc Đ

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc ly hôn với bị đơn ông Phạm Ngọc Đ.

Xử, cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Phạm Ngọc Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do UBND phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/02/2017 không còn giá trị pháp lý)

[2.2]. Về con chung:

Ông Phạm Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị P có 02 con chung là trẻ Phạm Bảo N, sinh ngày 09/8/2010 và trẻ Phạm Tường V, sinh ngày 28/01/2016. Sau khi ly hôn giao 02 (hai) con chung là trẻ Phạm Bảo N, sinh ngày 09/8/2010 và trẻ Phạm Tường V, sinh ngày 28/01/2016 cho bà Nguyễn Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị P không yêu cầu ông Phạm Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Ông Phạm Ngọc Đ, có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2023/0037544 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Nguyễn Thị P** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bà **Nguyễn Thị P** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, ông **Phạm Ngọc Đ** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
 - VKSND Quận 7;
 - THA Dân sự Quận 7;
 - UBND P.Linh Đông, Thành phố Thủ Đức;
 - Các đương sự;
 - Lưu, hồ sơ.
- (TK: Việt Phương)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Như Thủy